

QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI VIỆT NAM

PERSONAL INCOME TAX ADMINISTRATION IN VIETNAM

Huỳnh Thị Kim Hà

Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin - Đại học Đà Nẵng; htkha@cit.udn.vn

Tóm tắt - Cùng với tốc độ phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế đất nước, thu nhập của các tầng lớp dân cư dần được tăng lên và đa dạng về loại hình. Bên cạnh đó, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với hệ thống thuế của Việt Nam, nhằm tiến đến phù hợp với các yêu cầu cơ bản của cơ chế kinh tế thị trường và các thông lệ quốc tế về thuế. Kể từ khi Luật Thuế thu nhập cá nhân được Quốc hội ban hành và có hiệu lực từ 01/01/2009 đến nay, hệ thống pháp luật về thuế và quản lý thuế đã không ngừng được điều chỉnh, bổ sung, nhằm đáp ứng những yêu cầu trên. Bài viết hệ thống hóa các văn bản pháp quy liên quan đến thuế thu nhập cá nhân, so sánh những quy định hiện hành của Việt Nam về thuế thu nhập cá nhân với các nước trên thế giới, đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam.

Từ khóa - thuế; thu nhập cá nhân; quản lý; hiệu quả; hội nhập quốc tế.

Abstract - Along with the strong economic development, the personal income of several resident segments is diversified and increasing. Besides, procedure of integration with the international economy requires Vietnamese taxation system to be compatible with basic demands of the market economy mechanism and the international common practices on tax. Since the tax law on personal income was established and became effective on January 1st 2009, the taxation management system has been continuously reformed in order to satisfy the new demand. This article systematizes the documents regarding to personal income tax law, compares current regulations on personal income tax law in Vietnam with those of other countries, assesses the situation and proposes some measures to enhance the efficiency in personal income tax management in Vietnam.

Key words - tax; personal income; administration; efficient; international integration.

1. Đặt vấn đề

Thuế là công cụ quan trọng của Nhà nước trong quá trình quản lý, điều tiết, ổn định kinh tế vĩ mô; là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (NSNN), phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo công bằng xã hội. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với kinh tế quốc tế, do đó tiến trình chuyển đổi dần cơ cấu tỷ trọng tăng dần của các sắc thuế trực thu là xu thế tất yếu nhằm phù hợp với thông lệ quốc tế về thuế của các quốc gia. Đối tượng và phạm vi đánh thuế của thuế thu nhập cá nhân (TNCN) rất rộng, bao gồm cả công dân của một quốc gia và người nước ngoài cư trú thường xuyên hoặc không thường xuyên tại quốc gia đó, không phân biệt nguồn thu nhập phát sinh trong hay ngoài nước. Do đó, công tác quản lý thuế TNCN tại Việt Nam cho đến nay vẫn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập. Bài viết nêu lên thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế TNCN tại Việt Nam.

2. Tổng quan về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

2.1. Khái niệm

Quản lý thuế TNCN là sự tác động có chủ đích của các cơ quan chức năng trong bộ máy Nhà nước đối với quá trình tính và thu thuế TNCN để thay đổi quá trình này, nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách và đạt được các mục tiêu Nhà nước đặt ra [1].

2.2. Mục tiêu

- Tăng cường tập trung, huy động đầy đủ và kịp thời số thu cho NSNN trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

- Góp phần tăng cường ý thức chấp hành pháp luật cho các tổ chức kinh tế và dân cư.

- Phát huy tốt nhất vai trò của thuế TNCN trong nền kinh tế.

2.3. Nội dung

Công tác quản lý thuế TNCN là một phần quan trọng của quản lý tài chính Nhà nước. Công tác này cần được nhìn nhận ở tầm vĩ mô và phải bao gồm toàn bộ các công việc thuộc các lĩnh vực lập pháp và hành pháp, tư pháp về thu. Nội dung của công tác quản lý thuế TNCN bao gồm:

Ban hành chính sách thuế TNCN: Đây là công việc thuộc lĩnh vực lập pháp. Việc ban hành chính sách thuế TNCN sẽ tạo ra những quy định pháp luật làm cơ sở để tính và thu thuế TNCN. Đồng thời, ban hành chính sách cũng đưa ra những căn cứ để kiểm tra, thanh tra, và áp dụng các chế tài đối với quá trình tính và thu này.

Công tác tổ chức thực hiện chính sách thuế TNCN: Sau khi đã được phê chuẩn và ban hành, chính sách thuế TNCN được tổ chức thực hiện. Đây là khâu đóng vai trò quan trọng nhất, quyết định hiệu quả của việc sử dụng công cụ thuế. Nhờ việc tổ chức thực hiện chính sách thuế và quá trình tính, thu thuế mới diễn ra trong thực tế, đồng thời các quy định về quá trình này mới đến được với mọi người dân thông qua tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế. Nội dung tổ chức thực hiện chính sách thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế; Tiến hành tổ chức quản lý thu thuế.

Thanh tra thuế TNCN: Đây là một nội dung quan trọng của công tác quản lý thuế. Thanh tra thuế được thực hiện bởi cơ quan thanh tra chuyên ngành thuế. Đối tượng thanh tra thuế là các tổ chức kinh tế và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế TNCN cho Nhà nước và bao gồm cả các đơn vị thuộc ngành thuế. Mục tiêu thanh tra thuế là phát hiện và xử lý các trường hợp sai trái nhằm giảm bớt những tổn thất cho Nhà nước và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời cũng qua quá trình thanh tra, cơ quan thuế có thể phát hiện những thiếu sót, bất cập trong văn bản pháp luật thuế và quá trình tổ chức thực hiện, từ đó tìm ra những hướng giải quyết nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế

thu nhập cá nhân. Thanh tra thuế được thực hiện dưới các hình thức và phương pháp khác nhau.

Tổ chức bộ máy quản lý thuế TNCN: Nhà nước xây dựng bộ máy quản lý thuế để quản lý thuế TNCN cũng như các sắc thuế khác. Tùy thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của từng nước, bộ máy quản lý thuế cũng được xây dựng một cách tương ứng. Nhìn tổng thể trong phạm vi nền kinh tế quốc dân, cơ quan thuế ở các nước trên thế giới đều được tổ chức thành một hệ thống bao gồm nhiều cấp. Tại nhiều nước, hệ thống đó không hoàn toàn phù hợp với hệ thống chính quyền Nhà nước, bao gồm: cơ quan thuế trung ương, cơ quan thuế cấp tỉnh, thành phố và cơ quan thuế cấp quận, huyện như Trung Quốc, Việt Nam... Ngoài ra, ở một số quốc gia thì hệ thống ngành thuế còn được tổ chức theo các dạng khác.

3. Hệ thống văn bản pháp luật thuế thu nhập cá nhân

3.1. Hệ thống pháp luật về thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam

Thuế TNCN điều tiết TNCN, thể hiện rõ nghĩa vụ của công dân đối với đất nước và được xác định căn cứ trên các nguyên tắc: lợi ích, công bằng và khả năng nộp thuế. Hệ thống thuế Việt Nam đã trải qua những cải cách sâu rộng từ năm 1990, chuyển từ đánh thuế vào người có thu nhập cao (Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 1991) sang cơ cấu thuế được hiện đại hóa, có tính phổ quát hơn (Luật Thuế TNCN 2007). Kể từ khi Luật Thuế TNCN có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 cho đến nay, thuế TNCN đã thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung, nhằm đảm bảo phân phối thu nhập công bằng trong xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, tăng nguồn thu cho NSNN đáp ứng được những yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Bảng 1. Hệ thống văn bản pháp luật về thuế TNCN tại Việt Nam

Số hiệu	Tên văn bản	Ngày hiệu lực	Loại văn bản
04/2007/QH12	Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 của Quốc hội	01/01/2009	Luật
26/2012/QH13	Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân của Quốc hội	01/07/2013	Luật
08/VBH N-VPQH	Văn bản hợp nhất 08/VBHN-VPQH ngày 12/12/2012 do Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Thuế thu nhập cá nhân	12/12/2012	Văn bản hợp nhất
71/2014/QH13	Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 do Quốc hội khóa XIII ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế	01/01/2015	Luật
15/VBH N-VPQH	Văn bản hợp nhất 15/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Thuế thu nhập cá nhân	11/12/2014	Văn bản hợp nhất
65/2013/NĐ-CP	Nghị định 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân	01/07/2013	Nghị định

91/2014/NĐ-CP	Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 do Chính phủ ban hành sửa đổi các Nghị định quy định về thuế	15/11/2014	Nghị định
12/2015/NĐ-CP	Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 do Chính phủ ban hành hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế	01/01/2015	Nghị định
14/VBH N-BTC	Văn bản hợp nhất 14/VBHN-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/05/2015 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi	26/05/2015	Văn bản hợp nhất
111/2013/TT-BTC	Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân	01/07/2013	Thông tư
119/2014/TT-BTC	Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 do Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành sửa đổi Thông tư 156/2013/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC, 219/2013/TT-BTC, 85/2011/TT-BTC, 39/2014/TT-BTC và 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản thủ tục hành chính về thuế	01/09/2014	Thông tư
151/2014/TT-BTC	Thông tư 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 10/10/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế	15/11/2014	Thông tư
04/VBH N-BTC	Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BTC ngày 26/02/2016 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước	26/02/2016	Văn bản hợp nhất
92/2015/TT-BTC	Thông tư 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh	30/07/2015	Thông tư
05/VBH N-BTC	Văn bản hợp nhất 05/VBHN-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14/03/2016 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi và Nghị định 65/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi	14/03/2016	Văn bản hợp nhất

Nguồn: Tổng hợp

3.2. Thuế thu nhập cá nhân ở một số nước trên thế giới

Thuế TNCN được áp dụng đầu tiên tại Hà Lan vào năm 1797 và cho đến nay, hơn 180 nước trên thế giới đã áp dụng Luật Thuế TNCN.

Bảng 2. Lịch sử ra đời luật thuế thu nhập cá nhân của các quốc gia

Quốc gia	Năm	Quốc gia	Năm
Hà Lan	1797	Hàn Quốc	1948
Anh	1799	Indonesia	1949
Đức	1808	Trung Quốc	1984
Các nước Châu Âu còn lại và Úc, New Zealand, Nhật Bản	nửa cuối thế kỷ 19	Rumani	1990
Thái Lan	1939	Nga	1991
Philippines	1945	Ba Lan	1992

Nguồn: Tổng hợp từ [5]

Tỷ trọng thuế thu nhập chiếm khoảng 13-14% tổng số thu ngân sách tùy theo quan điểm đánh thuế của từng nước.

Bảng 3. Tỷ trọng thu từ thuế TNCN trong tổng thu NSNN của các quốc gia

Quốc gia	Thu từ thuế TNCN/Tổng thu NSNN (%)
Việt Nam	5-6
Các nước ASEAN	13-14
Các nước phát triển	15-16
Anh, Mỹ, Nhật, Pháp, Đức	30-40

Nguồn: Tổng hợp

Về mức thuế suất, Luật Thuế TNCN của Việt Nam hiện nay gồm 07 loại thuế suất: 5, 10, 15, 20, 25, 30 và 35%, và đã mở rộng cơ sở thuế bằng cách loại bỏ phân biệt giữa người dân trong nước và người nước ngoài, hoặc giữa thu nhập thường xuyên và không thường xuyên, đồng thời loại bỏ hầu hết trợ cấp liên quan đến công việc và được miễn thuế. Nhìn chung, nhiều quốc gia ASEAN đã cắt giảm thuế suất TNCN sau khi ký kết hiệp định Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Kể từ năm 2007, Indonesia, Malaysia và Thái Lan đã bắt đầu cắt giảm các thuế suất TNCN biên tế cao nhất từ 35, 28, và 37% xuống còn 30, 26, và 35% theo thứ tự. Philippines vẫn giữ thuế suất cũ 32% trong khi Singapore vẫn ở mức thuế TNCN thấp nhất 20%. Do thuế suất thuế TNCN dường như khác biệt nhau, thiếu hài hòa, do đó các nước ASEAN vận dụng thuế suất TNCN để cạnh tranh với nhau [3].

Bảng 4. Quy định về cá nhân cư trú của một số nước trên thế giới

Quốc gia	Quy định về cá nhân cư trú
Việt Nam và đa số các nước	Định cư hoặc những người đến ở không thường xuyên nhưng tổng số ngày đến ở vượt quá 183 ngày trong một năm (năm dương lịch hoặc năm tài chính).
Nhật Bản	- Cư trú thường xuyên: định cư thường xuyên liên tục 5 năm. - Cư trú không thường xuyên: không có ý định cư trú thường xuyên nhưng có nơi thường trú tại Nhật Bản từ 1 năm trở lên nhưng không quá 5 năm. - Không cư trú: không có nơi định cư và sống tại Nhật Bản ít hơn 1 năm.
Pháp	Một người được coi là cư trú nếu coi Pháp là nơi ở chính, hành nghề chính hay có các trung tâm quyền lợi đặt tại Pháp; hoặc thường xuyên có mặt ở Pháp trong 06 tháng hoặc 1 năm; hoặc Pháp là nơi mang lại phần lớn thu nhập.

Mỹ	Là công dân Mỹ và những người cư trú tại Mỹ tối thiểu 330 ngày đêm.
Hàn Quốc	Là người có nhà ở hoặc nơi cư trú tại Hàn Quốc trong thời hạn 1 năm trở lên.
Thụy Điển	Mọi công dân Thụy Điển và người nước ngoài đang cư trú tại Thụy Điển có thu nhập bất kỳ từ đầu đều là đối tượng nộp thuế TNCN, trừ trường hợp người Thụy Điển ở nước ngoài trên 6 tháng.

Nguồn: Tổng hợp

Về đối tượng nộp thuế, xác định đối tượng nộp thuế là một trong những nội dung quan trọng của thuế TNCN, từ đó mới có thể vận dụng cách tính thuế cho phù hợp. “Nơi cư trú” và “nguồn phát sinh thu nhập” là hai tiêu thức làm căn cứ xác định đối tượng nộp thuế. Việt Nam và đa số các quốc gia lựa chọn tiêu thức “nơi cư trú” để xác định đối tượng nộp thuế, tuy nhiên khái niệm thế nào là một cá nhân cư trú tại một nước lại được định nghĩa khác nhau trong luật thuế TNCN của các nước [4].

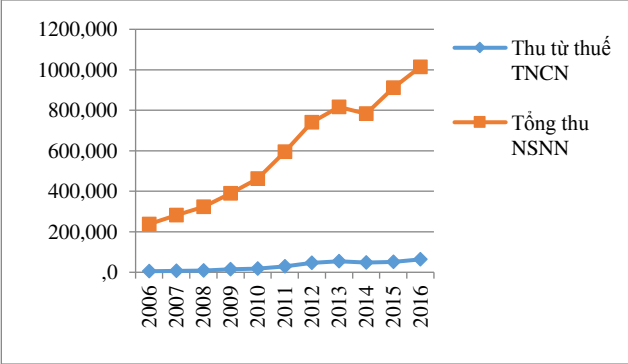
4. Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam

4.1. Hệ thống văn bản về quản lý thuế thu nhập cá nhân

Bảng 5. Hệ thống văn bản về quản lý thuế thu nhập cá nhân

Số hiệu	Tên văn bản	Ngày hiệu lực	Loại văn bản
422/QĐ-TCT	Quyết định về việc ban hành Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế	Sau 15 ngày kể từ ngày ký (22/4/2008)	Quyết định
1864/QĐ-TCT	Quyết định về việc ban hành Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế, Quyết định này thay thế cho QĐ 422/QĐ-TCT ngày 22/4/2008	01/1/2012	Quyết định
879/QĐ-TCT	Quyết định về việc ban hành Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế, Quyết định này thay thế cho QĐ 1864/QĐ-TCT ngày 21/12/2011	15/5/2015	Quyết định

Nguồn thu từ chính sách thuế đối với người có thu nhập cao trước thời điểm luật thuế TNCN có hiệu lực vào ngày 01/01/2009 chiếm tỷ lệ tương đối thấp trong tổng thu NSNN (khoảng 2%). Đến nay, với nỗ lực không ngừng của ngành thuế và các cơ quan chức năng có liên quan, tỷ trọng này đã dần được tăng lên (khoảng 6%).



Hình 1. Dự toán thu từ thuế TNCN và tổng thu NSNN từ năm 2006-2016 (ĐVT: tỷ đồng)
Nguồn: Tổng hợp từ Công Thông tin điện tử Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam

4.2. Công tác tổ chức thực hiện

Tổng cục Thuế với vai trò là đơn vị chủ chốt trong việc triển khai sắc thuế TNCN đã ban hành 118 văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thuế các cấp và các công văn trả lời vướng mắc của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế TNCN; lập 01 trang website riêng cung cấp và tiếp nhận thông tin về thuế TNCN www.tncnonline.com.vn, nhằm hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế TNCN; tổ chức đường dây nóng từ Tổng cục Thuế đến các Cục Thuế/Chi cục Thuế để tiếp nhận và giải đáp kịp thời những vướng mắc của người nộp thuế; 100% cán bộ, công chức làm công tác quản lý thuế của 63 Cục Thuế/Chi cục Thuế được tập huấn những nội dung cơ bản của luật thuế TNCN; triển khai việc đăng ký thuế, cấp mã số thuế, kê khai người phụ thuộc ngay từ cuối năm 2008. Phối hợp với các cơ quan ban ngành trong công tác triển khai thực hiện chính sách thuế TNCN; phối hợp với cơ quan truyền thông báo đài, báo viết để tuyên truyền về chính sách thuế TNCN, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao trong việc cấp mã số thuế cho các đối tượng nộp thuế [2].

4.3. Công tác kiểm soát thực hiện

Định kỳ hàng tháng/quý, Tổng cục Thuế chỉ đạo Cục Thuế/ Chi cục Thuế các cấp thực hiện lập các báo cáo tình hình thực hiện chính sách thuế TNCN với việc đánh giá công tác triển khai chính sách thuế TNCN tại địa phương, những vướng mắc trong quá trình triển khai, gửi lên Tổng cục Thuế để tổng hợp. Trên cơ sở đó, Tổng cục Thuế đã thực hiện việc tổng hợp đánh giá, phân tích và tham mưu cho Chính phủ, Bộ Tài chính để ban hành các văn bản pháp quy nhằm điều chỉnh các nội dung của chính sách thuế TNCN.

Tổng cục Thuế cũng đã tiến hành cử các đoàn thanh kiểm tra về các đơn vị để phối hợp cùng thanh kiểm tra Cục Thuế trong công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách thuế tại địa phương. Từ năm 2009 đến năm 2016, số lượt thanh kiểm tra đã tiến hành lần lượt là 260, 1.520, 1.657, 1.690, 1.789, 2.250, 2.643, và 2.816 lượt [6].

4.4. Đánh giá công tác quản lý thuế TNCN

Luật thuế TNCN ra đời đã góp phần đảm bảo công bằng trong việc điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư trong xã hội, góp phần thực hiện kiểm soát thu nhập của dân cư, và góp phần đảm bảo huy động nguồn thu cho NSNN.

Tính đến hết năm 2011, Tổng cục Thuế đã hoàn thành việc cấp mã số thuế cho 15.894.719 cá nhân (trong đó có 12.647.286 cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và từ thu nhập khác; có 3.247.433 mã số thuế hộ gia đình, cá nhân có thu nhập từ kinh doanh). Theo báo cáo tổng kết nhiệm vụ công tác năm 2015 của Tổng cục Thuế, hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan thuế đang theo dõi, quản lý dữ liệu của 18,5 triệu mã số thuế thu nhập cá nhân, trong đó có trên 1,7 triệu hộ kinh doanh.

Thông qua việc thực hiện khấu trừ, kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế của tổ chức chi trả thu nhập được cấp mã số thuế; việc kê khai, nộp thuế của cá nhân được cấp mã số thuế có thu nhập thuộc 10 loại thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật, cơ quan thuế có thể quản lý, kiểm soát thu nhập của đối tượng nộp thuế, nắm được tương đối đầy đủ

thông tin về thu nhập từ tiền lương, tiền công của cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế là doanh nghiệp trả cho người lao động trong biên chế hoặc hợp đồng lao động dài hạn; thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại.

Tuy nhiên, đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, việc kiểm soát giá chuyển nhượng thực tế đối với chuyển nhượng giữa các cá nhân còn gặp khó khăn, do việc thanh toán hiện nay chủ yếu là dùng tiền mặt, vàng, ngoại tệ [2]. Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác định theo nguyên tắc giá hợp đồng, nếu giá hợp đồng thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố quy định thì xác định theo giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. Quy định như vậy tất yếu dẫn đến việc các bên tham gia hợp đồng chỉ ghi bằng mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố công bố, làm giảm nguồn thu cho NSNN.

Hoạt động quản lý thuế TNCN từ tiền lương, tiền công trong những năm qua còn tồn tại một số bất cập như: chưa có biện pháp hữu hiệu để kiểm soát các khoản giảm trừ, đặc biệt là giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế; công tác kiểm tra, kiểm soát khấu trừ thuế tại nguồn có nơi chưa chặt chẽ, chủ yếu chỉ được thực hiện nghiêm túc tại các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị hành chính sự nghiệp. Cơ quan quản lý Nhà nước chưa kiểm soát chặt chẽ đối với những cá nhân có thu nhập tự do từ nhiều nơi, kinh doanh đa vùng miền, bán hàng qua mạng,...

5. Một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam

Nhằm giúp cơ quan thuế thu đúng, thu đủ cho NSNN, đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cần xác định giá đất theo nguyên tắc giá thị trường như đối với các bất động sản khác. Bên cạnh đó, Chính phủ cần ban hành những quy định cụ thể hướng dẫn việc xác định giá chuyển nhượng, trong trường hợp giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng thấp hơn giá phổ biến được giao dịch trên thị trường.

Quy định về mức giảm trừ gia cảnh cần tính đến mặt bằng chi tiêu thực tế tại từng địa phương, do thực tế hiện nay tồn tại chênh lệch về chi phí sinh hoạt giữa thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội với các tỉnh/thành phố khác, nhằm đảm bảo công bằng cho người nộp thuế [7].

Để công tác khấu trừ tại nguồn được thực hiện nghiêm túc ở tất cả các đơn vị, cần sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa cơ quan thuế và các cơ quan ban ngành; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý truy thu thuế TNCN (sử dụng phần mềm tích hợp quản lý thuế TNCN trên phạm vi toàn quốc); đồng thời Chính phủ cần có cơ chế khuyến khích, tiến đến bắt buộc tất cả các giao dịch, thanh toán không dùng tiền mặt.

6. Kết luận

Quản lý thuế TNCN là bộ phận quan trọng trong quản lý tài chính nhà nước, do đó công tác này cần được đặc biệt quan tâm và cần được nhìn nhận ở tầm vĩ mô, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNCN, góp phần tăng thu NSNN, đảm bảo công bằng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] <https://voer.edu.vn/m/noi-dung-cong-tac-quan-ly-thue-thu-nhap-ca-nhan/8f4a45ab>, *Nội dung công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân*.
- [2] Trần Thị Tuyết, *Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân của Tổng cục Thuế*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
- [3] Sử Đình Thành & cộng sự, “Cải cách hệ thống thuế Việt Nam theo cam kết hội nhập quốc tế đến năm 2020”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 26(3), 2015, 02-26.
- [4] <http://tailieu.vn/doc/luan-van-thuc-trang-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-cong-tac-quan-ly-thue-thu-nhap-ca-nhan-o-viet-na-1234215.htm>, *Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam*.
- [5] <http://tailieu.vn/doc/de-tai-thue-thu-nhap-ca-nhan-ly-luan-va-thuc-tien-1696093.html>, *Thuế thu nhập cá nhân – Lý luận và thực tiễn*.
- [6] Tổng cục Thuế, *Báo cáo tổng kết nhiệm vụ công tác thuế năm 2014*, 2015, 2016.
- [7] ThS. Nguyễn Thành Phúc, “Quản lý thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công”, *Tạp chí Tài chính*, Số 8, 2013.

(BBT nhận bài: 09/02/2017, hoàn tất thủ tục phản biện: 19/05/2017)